

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 622/TTr-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2025 về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 122/BC-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 5

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Bồi dưỡng tham gia kỳ họp Hội đồng nhân dân (HĐND)

a) Chủ tọa kỳ họp HĐND tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu HĐND, Thư ký kỳ họp HĐND tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Đại biểu khách mời; công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ; phóng viên của Báo, Đài tham dự kỳ họp HĐND tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; kỳ họp HĐND cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bồi dưỡng công tác soạn thảo tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND

a) Soạn thảo bài phát biểu khai mạc, bế mạc, dự kiến chương trình kỳ họp, kịch bản điều hành, gợi ý thảo luận, tổng hợp ý kiến thảo luận, thông báo kết quả...(gọi chung là bộ tài liệu): Kỳ họp HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/bộ tài liệu; kỳ họp HĐND cấp xã: 400.000 đồng/bộ tài liệu.

b) Hoàn thiện biên bản: 500.000 đồng/kỳ họp HĐND tỉnh; 200.000 đồng/kỳ họp HĐND cấp xã.

c) Báo cáo, nghị quyết cá biệt do Thường trực HĐND, các Ban của HĐND soạn thảo trình kỳ họp HĐND tỉnh: 500.000 đồng/văn bản; kỳ họp HĐND cấp xã: 300.000 đồng/văn bản.

d) Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND.

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo của HĐND; 2.000.000 đồng/báo cáo của Thường trực HĐND; 1.000.000 đồng/báo cáo của các Ban của HĐND.

- Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo của HĐND; 400.000 đồng/báo cáo của Thường trực HĐND; 300.000 đồng/báo cáo của các Ban của HĐND.”

3. Bãi bỏ cụm từ “200.000 đồng/dự thảo của cấp huyện” tại điểm a Khoản 3.

4. Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Bồi dưỡng tham gia hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND

a) Chủ trì hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Đại biểu HĐND, Thư ký hội nghị, cuộc họp, phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 120.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Đại biểu khách mời; công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ; phóng viên của Báo, Đài tham dự hội nghị, cuộc họp, phiên họp của

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

d) Trường hợp hội nghị, cuộc họp, phiên họp phải chuẩn bị các tài liệu có liên quan thì áp dụng mức bồi dưỡng bằng 70% mức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”

Điều 2. Sửa đổi một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Chế độ đối với hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND

a) Soạn thảo kế hoạch, đề cương, quyết định thành lập Đoàn giám sát, thông báo... (gọi chung là bộ tài liệu): 2.000.000 đồng/bộ tài liệu đối với tỉnh; 1.000.000 đồng/bộ tài liệu đối với cấp xã.

b) Soạn thảo báo cáo kết quả giám sát: 4.000.000 đồng/báo cáo của tỉnh; 1.500.000 đồng/báo cáo của cấp xã.

c) Soạn thảo nghị quyết thông qua kết quả giám sát: Bằng 50% mức chi tại điểm b khoản này.

d) Bồi dưỡng đối tượng tham gia Đoàn giám sát: Ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật, thành viên đoàn giám sát còn được hưởng mức bồi dưỡng như sau:

- Trưởng đoàn của tỉnh (nếu Trưởng đoàn vắng thì Phó Trưởng đoàn được hưởng chế độ như Trưởng đoàn): 200.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 150.000 đồng/buổi/người.

- Thành viên đoàn của tỉnh; thành viên tổ thư ký/tổ giúp việc của tỉnh: 120.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 80.000 đồng/buổi/người.

- Công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ; phóng viên của Báo, Đài của tỉnh tham gia Đoàn: 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/buổi/người.

đ) Thuê chuyên gia

Tuỳ theo nội dung và tính chất của chuyên đề giám sát, Thường trực HĐND xem xét ký hợp đồng với chuyên gia để phục vụ hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, với mức chi: 3.000.000 đồng/chuyên gia/chuyên đề của tỉnh; 2.000.000 đồng/chuyên gia/chuyên đề của cấp xã.”

2. Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Đối với hoạt động giám sát chuyên đề; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; kiến nghị của cử tri của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND: Bằng 80% mức bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.”

3. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND: Bằng 60% mức bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này.”

Điều 3. Sửa đổi một số khoản của Điều 7

1. Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Báo cáo thẩm tra các nội dung còn lại

- a) Của tỉnh: 700.000 đồng/báo cáo;
- b) Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.”.

2. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Báo cáo phối hợp thẩm tra: mức chi bằng 50% mức chi quy định tại khoản 1, 2 Điều này.”.

3. Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Chi xây dựng báo cáo chuyên đề của Thường trực HĐND theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 1.000.000 đồng/báo cáo của tỉnh; 300.000 đồng/báo cáo của cấp xã.”.

Điều 4. Sửa đổi khoản 1 của Điều 8

“1. Đại biểu HĐND được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, với mức như sau:

- a) Đại biểu HĐND tỉnh: 3.000.000 đồng/người/năm.
- b) Đại biểu HĐND cấp xã: 1.000.000 đồng/người/năm.”.

Điều 5. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 10

1. Sửa đổi điểm c khoản 1 như sau:

“c) Đại biểu HĐND cấp xã

- Đại biểu hoạt động chuyên trách: 150.000 đồng/người/tháng.
- Thành viên các Ban của HĐND cấp xã: 120.000 đồng/người/tháng.
- Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 80.000 đồng/người/tháng.”

2. Sửa đổi điểm c khoản 2 như sau:

“c) Đại biểu HĐND cấp xã

- Đại biểu hoạt động chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/năm.
- Thành viên các Ban của HĐND cấp xã: 750.000 đồng/người/năm.
- Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 600.000 đồng/người/năm.”

3. Bãi bỏ điểm b khoản 1, điểm b khoản 2.

Điều 6. Sửa đổi Điều 11

“Điều 11. Hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Hỗ trợ Tổ đại biểu HĐND tỉnh

- a) Tổ đại biểu có số lượng dưới 05 đại biểu: 500.000 đồng/Tổ/quý;
- b) Tổ đại biểu có số lượng từ 05 đến dưới 10 đại biểu: 1.000.000 đồng/Tổ/quý;
- c) Tổ đại biểu có số lượng từ 10 đại biểu trở lên: 1.500.000 đồng/Tổ/quý.

2. Hỗ trợ Tổ đại biểu HĐND cấp xã

- a) Tổ đại biểu có số lượng dưới 10 đại biểu: 400.000 đồng/Tổ/quý;
- b) Tổ đại biểu có số lượng từ 10 đến dưới 20 đại biểu: 800.000 đồng/Tổ/quý;
- c) Tổ đại biểu có số lượng từ 20 đại biểu trở lên: 1.200.000 đồng/Tổ/quý.”

Điều 7. Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1 như sau:

“a) Mức thăm hỏi tập thể do tỉnh tổ chức: 2.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng.

b) Mức thăm hỏi cá nhân do tỉnh tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 500.000 đồng/lần/đối tượng.”

2. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 2 như sau:

“a) Thăm hỏi một lần khi mắc bệnh hiểm nghèo, từ trần: do tỉnh tổ chức: 3.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 1.500.000 đồng/lần/đối tượng;

b) Thăm hỏi khi ốm đau (không quá 02 lần/năm/đối tượng): do tỉnh tổ chức: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã tổ chức: 500.000 đồng/lần/đối tượng.”

Điều 8. Bãi bỏ một số cụm từ của Điều 1, Điều 2; bãi bỏ một số điểm của Điều 4, Điều 9

1. Bãi bỏ cụm từ “HĐND huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện)”; “thị trấn” tại khoản 1 Điều 1.

2. Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản 1 Điều 2.

3. Bãi bỏ điểm b khoản 1; điểm b khoản 2; điểm b khoản 3 của Điều 4.

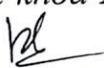
4. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 9.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, UBND các cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2025./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh, Cơ quan THADS tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND. 

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An